

Số: 96 /QĐ-AN

Gò Vấp, ngày 12 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai thực hiện dự toán ngân sách
quý I năm 2024 của Trường Trung học cơ sở An Nhơn

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ AN NHƠN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ - CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT -BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 5491/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024; giao số thu phí, lệ phí, thu khác năm 2024;

Theo đề nghị của kế toán trường THCS An Nhơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai đánh giá thực hiện dự toán ngân sách quý 1 năm 2024 của Trường Trung học cơ sở An Nhơn (theo biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài vụ trường Trung học cơ sở An Nhơn thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TC.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Dương Hoàng Dũng

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

QUÝ 1 NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

TT	NỘI DUNG	Thực hiện quý 1
I	Nguồn ngân sách nhà nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	I. Kinh phí thường xuyên/ tự chủ	2.290.937.903
	- Tiền lương	
	Lương theo ngạch, bậc	1.186.859.500
	- Phụ cấp lương	
	Phụ cấp chức vụ	20.785.499
	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	
	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	894.000
	Phụ cấp ưu đãi nghề	350.687.145
	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	894.000
	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	166.646.664
	- Các khoản đóng góp	
	Bảo hiểm xã hội	240.334.815
	Bảo hiểm y tế	41.200.255
	Kinh phí công đoàn	27.485.835
	Bảo hiểm thất nghiệp	13.733.420
	- Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	203.184.000
	- Thanh toán dịch vụ công cộng	
	Tiền điện	33.732.770
	- Công tác phí	
	Khoản công tác phí	4.500.000
	II. Kinh phí không thường xuyên/ cải cách tiền lương	426.410.443
	- Tiền lương	
	Lương theo ngạch, bậc	246.930.500
	- Phụ cấp lương	
	Phụ cấp chức vụ	4.324.500
	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	186.000
	Phụ cấp ưu đãi nghề	72.961.755
	Phụ cấp theo nghề, theo công việc	186.000
	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	34.671.454
	- Các khoản đóng góp	
	Bảo hiểm xã hội	50.002.549
	Bảo hiểm y tế	8.571.866
	Kinh phí công đoàn	5.718.530
	Bảo hiểm thất nghiệp	2.857.289
	III. Kinh phí không thường xuyên/ không tự chủ	279.010.689
	- Tiền lương	
	Lương theo ngạch, bậc	182.819.700
	- Phụ cấp lương	
	Phụ cấp ưu đãi nghề	52.009.560
	- Các khoản đóng góp	
	Bảo hiểm xã hội	31.993.449
	Bảo hiểm y tế	5.484.591
	Kinh phí công đoàn	4.875.192
	Bảo hiểm thất nghiệp	1.828.197
	TỔNG CỘNG	2.996.359.035